

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 03-9-2026.  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Mai Thị Bỉ.
- Ông Nguyễn Văn Dễ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Quê – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 227/2026/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị P, sinh năm 19xx. Căn cước công dân số 08418600xxx. Địa chỉ: Số B, ấp N, xã V, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Số B, ấp N, xã V, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Thạch Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện có nội dung như sau:* Bà và ông Lê Minh T sống chung năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 09/7/2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2025 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Bà và ông T nhiều lần tự hoà giải nhưng không thành. Bà và

ông T không còn sống chung từ khoảng tháng 4/2026 cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh T.

Nuôi con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Lê Huy L, sinh ngày 27/5/20xx và Lê Thị Thanh N, sinh ngày 26/7/20xx. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu ông T trực tiếp nuôi 02 con chung, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ : Không có.

*Bị đơn ông Lê Minh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Thạch Thị P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh giải quyết ly hôn với ông Lê Minh T; hiện ông T đang sinh sống tại xã V, tỉnh Tây Ninh nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, hôn nhân giữa bà P và ông T có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/7/2012, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì. Điều này chứng minh ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà P có cơ sở chấp nhận.

[4] Nuôi con chung: Bà P và ông T có 02 con chung tên Lê Huy L, sinh ngày 27/5/20xx và Lê Thị Thanh N, sinh ngày 26/7/20xx. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu ông T nuôi 02 con chung. Tại bản tự khai của Huy L và Thanh N có nguyện vọng sống chung với cha và hiện nay con chung đang sống chung với

ông T nên Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của Huy L và Thanh N theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Lê Huy L và Lê Thị Thanh N cho ông Lê Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do ông T không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Chia tài sản chung: Bà P xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Nghĩa vụ trả nợ: Bà P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị P về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Lê Minh T.

1. Về hôn nhân: Bà Thạch Thị P được ly hôn ông Lê Minh T.

2 Nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Lê Huy L, sinh ngày 27/5/20xx và Lê Thị Thanh N, sinh ngày 26/7/20xx cho ông Lê Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Thạch Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị P phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013683 ngày 16/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND khu vực 5- Tây Ninh.
- THA DS tỉnh Tây Ninh.
- Các đương sự.
- UBND xã Vàm Cỏ, tỉnh Tây Ninh**
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**